

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ XÂY DỰNG

Thông tư số 10/2019/TT-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2019
ban hành định mức xây dựng

(Tiếp theo Công báo số 115 + 116)

ĐỊNH MỨC DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2019/TT-BXD
ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng)*

Phần 2

ĐỊNH MỨC DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Chương V

CÔNG TÁC XÂY GẠCH ĐÁ

Hướng dẫn áp dụng:

- Vật liệu làm giáo xây phục vụ công tác xây đã được tính trong định mức.
- Trường hợp sử dụng vữa khô trộn sẵn đóng bao thay cho vữa thông thường (vữa trộn tại hiện trường xây dựng) thì hao phí nhân công và máy trộn vữa của các công tác xây sử dụng vữa thông thường được điều chỉnh nhân hệ số $k = 0,9$.
- Trường hợp xây tường sử dụng gạch bê tông; gạch bê tông khí chung áp; gạch bê tông bọt, khí không chung áp có kích thước viên gạch khác với các kích thước gạch được ban hành trong tập định mức. Khi hao phí vật liệu gạch của khối

xây thay đổi (tăng hoặc giảm) 10 viên so với hao phí vật liệu gạch của công tác xây gạch có kích thước tương ứng thì hao phí nhân công được điều chỉnh thay đổi (tăng hoặc giảm) với tỷ lệ 1%.

XÂY ĐÁ

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, lắp và tháo dỡ giàn giáo xây, trộn vữa, xây kê cả miết mạch, kê chỉ theo đúng yêu cầu kỹ thuật. Vận chuyển vật liệu trong phạm vi 30m. (vật liệu làm dàn giáo đã tính trong định mức).

AE.11000 XÂY ĐÁ HỘC

AE.11100 XÂY MÓNG

Đơn vị tính: 1m³

Mã Hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (cm)	
				≤ 60	> 60
AE.111	Xây móng	<i>Vật liệu</i>			
		Đá hộc	m ³	1,2	1,2
		Đá dăm	m ³	0,057	0,057
		Vữa	m ³	0,420	0,420
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,81	1,74
		<i>Máy thi công</i>			
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,053	0,053
				10	20

AE.11200 XÂY TƯỜNG THẲNG

Đơn vị tính: 1m³

Mã Hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (cm)			
				≤ 60		> 60	
				Chiều cao (m)			
				≤ 2	> 2	≤ 2	> 2
AE.112	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Đá hộc	m ³	1,2	1,2	1,2	1,2
		Đá dăm	m ³	0,057	0,057	0,057	0,057
		Vữa	m ³	0,420	0,420	0,420	0,420
		Vật liệu khác	%	-	5	-	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	2,06	2,40	1,98	2,27
		<i>Máy thi công</i>					
	Máy trộn vữa 150l	ca	0,053	0,053	0,053	0,053	
				10	20	30	40

AE.11300 XÂY TƯỜNG TRỤ PIN, TƯỜNG CONG NGHIÊNG VẠN VỎ ĐỒ

Đơn vị tính: 1m³

Mã Hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (cm)			
				≤ 60		> 60	
				Chiều cao (m)			
				≤ 2	> 2	≤ 2	> 2
AE.113	Xây tường trụ pin, tường cong	<i>Vật liệu</i> Đá hộc	m ³	1,2	1,2	1,2	1,2

	nghiêng vận vồ đỗ	Đá dăm	m ³	0,057	0,057	0,057	0,057
		Vữa	m ³	0,420	0,420	0,420	0,420
		Vật liệu khác	%	-	5	-	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	2,25	2,67	2,15	2,44
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,053	0,053	0,053	0,053
				10	20	30	40

AE.11400 ÷ AE.11500 XÂY MỐ, TRỤ, CỘT

Đơn vị tính: 1m³

Mã Hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mố		Trụ, cột	
				Chiều cao (m)			
				≤ 2	> 2	≤ 2	> 2
AE.114	Xây mố	<i>Vật liệu</i>					
		Đá hộc	m ³	1,2	1,2	1,2	1,2
		Đá dăm	m ³	0,057	0,057	0,057	0,057
		Vữa	m ³	0,420	0,420	0,420	0,420
AE.115	Xây trụ, cột	Vật liệu khác	%	-	5	-	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	2,37	4,54	3,88	5,45
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,053	0,053	0,053	0,053
				10	20	10	20

11600 XÂY TƯỜNG CÁCH, TƯỜNG ĐẦU CẦU

Đơn vị tính: 1m³

Mã Hiệu	Công tác Xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Tường cách, tường đầu cầu	
				Chiều cao (m)	
				≤ 2	> 2
AE.116	Xây tường cách, tường đầu cầu	<i>Vật liệu</i>			
		Đá hộc	m ³	1,2	1,2
		Đá dăm	m ³	0,057	0,057
		Vữa	m ³	0,420	0,420
		Vật liệu khác	%	-	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	2,28	3,96
		<i>Máy thi công</i>			
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,053	0,053
				10	20

AE.11700 ÷ AE.11800 XÂY GÓI ĐỖ, GÓI ĐỖ ĐƯỜNG ống

Đơn vị tính: 1m³

Mã Hiệu	Công tác Xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trụ đỡ đường ống		Gối đỡ đường ống	
				Chiều cao (m)			
				≤ 2	> 2	≤ 2	> 2
AE.117	Xây trụ đỡ đường ống	<i>Vật liệu</i>					
		Đá hộc	m ³	1,22	1,22	1,22	1,22
		Đá dăm	m ³	0,057	0,057	0,057	0,057
		Vữa	m ³	0,420	0,420	0,420	0,420

AE.118	Xây gổ đỡ đường ống	Vật liệu khác	%	-	5	-	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	3,41	4,05	3,41	4,03
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,053	0,053	0,053	0,053
				10	20	10	20

AE.11900 XÂY MẶT BẰNG, MÁI DỐC

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Xây		
				Mặt bằng	Mái dốc thẳng	Mái dốc cong
AE.119	Xây mặt bằng, mái dốc	<i>Vật liệu</i>				
		Đá hộc	m ³	1,2	1,2	1,22
		Đá dăm	m ³	0,057	0,057	0,057
		Vữa	m ³	0,420	0,420	0,420
		Vật liệu khác	%	-	-	2,5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,98	2,09	2,32
		<i>Máy thi công</i>				
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,053	0,053	0,053
				10	20	30

AE.12000 XẾP ĐÁ KHAN

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Xếp đá khan không chít mạch			Xếp đá khan có chít mạch		
				Mặt bằng	Mái dốc thẳng	Mái dốc cong	Mặt bằng	Mái dốc thẳng	Mái dốc cong
AE.121	Xếp đá khan không chít mạch	<i>Vật liệu</i>							
		Đá hộc	m ³	1,2	1,2	1,22	1,2	1,2	1,22
		Đá dăm 4 x 6	m ³	0,061	0,061	0,065	0,061	0,061	0,065
		Vữa	m ³	-	-	-	0,067	0,067	0,067
AE.122	Xếp đá khan có chít mạch	Vật liệu khác	%	-	-	2,5	-	-	2,5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,2	1,4	1,98	1,55	1,75	2,01
				10	20	30	10	20	30

AE.12300 XÂY CỐNG

AE.12400 XÂY NÚT HÀM

AE.12500 XÂY CÁC BỘ PHẦN KẾT CẤU PHỨC TẠP KHÁC

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Xây cống	Xây nút hàm	Xây kết cấu phức tạp
AE.123	Xây cống	<i>Vật liệu</i>				
		Đá hộc	m ³	1,2	1,2	1,22

AE.124	Xây nút hầm	Đá dăm	m ³	0,057	0,057	0,057
		Vữa	m ³	0,420	0,420	0,420
AE.125	Xây các bộ phận kết cấu phức tạp khác	Vật liệu khác	%	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	2,98	3,46	4,03
		<i>Máy thi công</i>				
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,053	0,053	0,053
				10	10	10

AE.12600 XÂY RÃNH ĐỈNH, DỐC NƯỚC, THÁC NƯỚC, GÂN CHỮ V TRÊN ĐỘ DỐC TALUY $\geq 40\%$

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, bốc vác vận chuyển đá, vữa xây từ vị trí chân taluy lên vị trí xây; trộn vữa, xây kẻ cả miết mạch kẻ chỉ theo đúng yêu cầu kỹ thuật.

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều cao		
				$\geq 5m$	$\geq 10m$	$> 20m$
AE.126	Xây rãnh đỉnh, dốc nước, thái nước, gân chữ V trên độ dốc taluy $\geq 40\%$	<i>Vật liệu</i>				
		Đá hộc	m ³	1,2	1,2	1,2
		Đá dăm	m ³	0,061	0,061	0,061
		Vữa	m ³	0,460	0,460	0,460
		Vật liệu khác	%	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	5,47	6,40	7,61
		<i>Máy thi công</i>				
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,058	0,058	0,058
				10	20	30

AE.13000 XÂY ĐÁ MIẾNG (10 x 20 x 30)

AE.13100 XÂY MÓNG

AE.13200 XÂY TƯỜNG

AE.13300 XÂY TRỤ ĐỘC LẬP

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Móng	Tường, chiều dày (cm)				Trụ, cột
					≤ 30		> 30		
					Chiều cao (m)				
					≤ 2	> 2	≤ 2	> 2	
AE.131	Xây móng	<i>Vật liệu</i> Đá	m ³	0,89	0,89	0,89	0,85	0,85	0,85
AE.132	Xây tường	Vữa	m ³	0,160	0,160	0,160	0,190	0,190	0,250
		Vật liệu khác	%	-	-	5	-	5	5
AE.133	Xây trụ, cột	<i>Nhân công 3,5/7</i> <i>Máy thi công</i> <i>Máy trộn vữa 150l</i>	công ca	2,27	2,56	2,74	2,25	2,67	4,38
				10	10	20	30	40	10

AE.14000 XÂY ĐÁ CHẼ

AE.14100 XÂY MÓNG BẰNG ĐÁ CHẼ (10 x 10 x 20)

AE.14200 XÂY TƯỜNG BẰNG ĐÁ CHẼ (10 x 10 x 20)

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Móng	Tường, chiều dày (cm)			
					≤ 30		> 30	
					Chiều cao (m)			
					≤ 2	> 2	≤ 2	> 2
AE.141	Xây móng	<i>Vật liệu</i> Đá Vữa	viên m ³	430 0,300	430 0,300	430 0,300	430 0,300	430 0,300

AE.142	Xây tường	Vật liệu khác	%	-	-	5	-	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	2,71	3,03	3,31	2,71	3,02
		<i>Máy thi công</i>						
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,036	0,036	0,036	0,036	0,036
				10	10	20	30	40

AE.14300 XÂY GỐI ĐỖ ỐNG BẰNG ĐÁ CHẼ (10 x 10 x 20)

AE.14400 XÂY TRỤ, CỘT BẰNG ĐÁ CHẼ (10 x 10 x 20)

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Gối đỡ ống		Trụ, cột
				Chiều cao (m)		
				≤ 2	> 2	
AE.143	Xây gối đỡ ống	<i>Vật liệu</i> Đá Vữa	viên m ³	430 0,300	430 0,310	410 0,310
AE.144	Xây trụ, cột	Vật liệu khác <i>Nhân công 3,5/7</i> <i>Máy thi công</i> Máy trộn vữa 150l	% công ca	- 2,71 0,036	5 3,02 0,037	5 4,38 0,037
				10	20	10

AE.15100 XÂY MÓNG BẰNG ĐÁ CHẼ (20 x 20 x25)

AE.15200 XÂY TƯỜNG BẰNG ĐÁ CHẼ (20 x 20 x 25)

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Móng	Tường, chiều dày (cm)			
					≤ 30		> 30	
					Chiều cao (m)			
					≤ 2	> 2	≤ 2	> 2
AE.151	Xây móng bằng đá chẻ 20x20x25	<i>Vật liệu</i>						
		Đá chẻ	viên	72	73	73	72	72
		Đá dăm chèn	m ³	0,047	0,05	0,05	0,047	0,047
AE.152	Xây tường bằng đá chẻ 20x20x25	Vữa	m ³	0,280	0,290	0,290	0,280	0,280
		Vật liệu khác	%	-	-	5	-	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,35	1,45	1,55	1,39	1,45
		<i>Máy thi công</i>						
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,034	0,035	0,035	0,034	0,034
				10	10	20	30	40

AE.16100 XÂY MÓNG BẰNG ĐÁ CHẼ (15 x 20 x 25)

AE.16200 XÂY TƯỜNG BẰNG ĐÁ CHẼ (15 x 20 x 25)

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Móng	Tường, chiều dày (cm)			
					≤ 30		> 30	
					Chiều cao (m)			
					≤ 2	> 2	≤ 2	> 2
AE.161	Xây móng bằng đá chẻ 15x20x25	Vật liệu						
		Đá chẻ	viên	108	109	109	108	108
		Vữa	m ³	0,290	0,300	0,300	0,290	0,290
		Vật liệu khác	%	-	-	5	-	5

AE.162	Xây tường bằng đá chẻ 15x20x25	<i>Nhân công 3,5/7</i> <i>Máy thi công</i> Máy trộn vữa 150l	công	1,42	1,47	1,63	1,44	1,52
			ca	0,035	0,036	0,036	0,035	0,035
				10	10	20	30	40

XÂY GẠCH

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, lắp và tháo dỡ giàn giáo xây. Trộn vữa, xây (kể cả những bộ phận, kết cấu nhỏ gắn liền với bộ phận kết cấu chung như đường viền bệ cửa sổ, gờ chỉ v.v... tính vào khối lượng) bảo đảm đúng yêu cầu kỹ thuật, vận chuyển vật liệu trong phạm vi 30m.

AE.20000 XÂY GẠCH ĐẤT SÉT NUNG (6,5 x 10,5 x 22)

AE.21000 XÂY MÓNG

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (cm)	
				≤ 33	> 33
AE.21	Xây móng	<i>Vật liệu</i>			
		Gạch	viên	550	539
		Vữa	m ³	0,290	0,300
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,42	1,26
		<i>Máy thi công</i>			
	Máy trộn vữa 150l	ca	0,035	0,036	
				110	210

AE.22000 XÂY TƯỜNG THẰNG

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày ≤ 11 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.221	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	643	643	643	643
		Vữa	m ³	0,230	0,230	0,230	0,230
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,90	2,07	2,27	2,37
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,032	0,032	0,032	0,032
		Vận thẳng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
				10	20	30	40

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày ≤ 33 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.222	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	550	550	550	550
		Vữa	m ³	0,290	0,290	0,290	0,290
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5

		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,63	1,67	1,84	1,92
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,035	0,035	0,035	0,035
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
				10	20	30	40

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày > 33 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.223	Xây tường thăng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	539	539	539	539
		Vữa	m ³	0,300	0,300	0,300	0,300
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,41	1,53	1,68	1,76
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,036	0,036	0,036	0,036
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
				10	20	30	40

AE.23000 XÂY CỘT, TRỤ

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.231	Xây cột, trụ	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	539	539	539	539
		Vữa	m ³	0,300	0,300	0,300	0,300
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	3,00	4,00	4,40	4,60
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,036	0,036	0,036	0,036
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
				10	20	30	40

AE.24000 XÂY TƯỜNG CONG NGHIÊNG VẬN VỎ ĐỒ

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày ≤ 33 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.241	Xây tường cong nghiêng vận vỏ đồ	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	550	550	550	550
		Vữa	m ³	0,290	0,290	0,290	0,290
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5

		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	2,78	3,09	3,39	3,55
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,035	0,035	0,035	0,035
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
				10	20	30	40

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày > 33 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.242	Xây tường thăng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	539	539	539	539
		Vữa	m ³	0,300	0,300	0,300	0,300
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	2,60	2,89	3,17	3,32
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,036	0,036	0,036	0,036
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
				10	20	30	40

AE.25000 XÂY CỐNG

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Cống	
				Cuốn cống	Thành vòm cống
AE.25	Xây cống	<i>Vật liệu</i>			
		Gạch	viên	550	560
		Vữa	m ³	0,280	0,290
		Vật liệu khác	%	4	4
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	4,66	4,28
		<i>Máy thi công</i>			
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,034	0,035
				110	210

AE.26000 XÂY BÊ CHỨA, HỒ VAN, HỒ GA, GỒI ĐỖ ỐNG, RÃNH THOÁT NƯỚC

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Bể chứa	Hồ van, hồ ga	Gôi đỡ ống, rãnh thoát nước
AE.26	Bể chứa	<i>Vật liệu</i>				
		Gạch	viên	550	550	550
AE.26	Hồ van, hồ ga	Vữa	m ³	0,310	0,330	0,333
		Vật liệu khác	%	5,5	5,5	5,5
AE.26	Gôi đỡ ống, rãnh thoát nước	<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	3,60	3,20	4,50
		<i>Máy thi công</i>				
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,037	0,039	0,039
				110	210	310

AE.27000 XÂY BỂ CHỨA HÓA CHẤT, BỂ CHỐNG ẮN MÒN

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
AE.271	Xây bể hóa chất, bể chống ăn mòn	<i>Vật liệu</i>		
		Gạch thẻ	viên	550
		Bột thạch anh	kg	330,5
		Cát thạch anh	kg	166
		Thủy tinh nước	kg	149
		Thuốc trừ sâu	kg	22,3
		Vật liệu khác	%	5
		<i>Nhân công 4,5/7</i>	công	3,80
		<i>Máy thi công</i>		
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,032
				10

AE.28000 XÂY CÁC BỘ PHẬN, KẾT CẤU PHỨC TẠP KHÁC

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.281	Xây các bộ phận kết cấu phức tạp khác	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	573	573	573	573
		Vữa	m ³	0,28	0,28	0,28	0,28
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	3,60	4,00	4,40	4,60
		<i>Máy thi công</i>					

		Máy trộn vữa 150l	ca	0,034	0,034	0,034	0,034
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
				10	20	30	40

AE.30000 XÂY GẠCH ĐẤT SÉT NUNG (5 x 10 x 20)

AE.31000 XÂY MÓNG

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (cm)	
				≤ 30	> 30
AE.31	Xây móng	<i>Vật liệu</i>			
		Gạch	viên	810	780
		Vữa	m ³	0,300	0,310
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,60	1,42
		<i>Máy thi công</i>			
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,036	0,037
				110	210

AE.32000 XÂY TƯỜNG

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày ≤ 10 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.321	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	830	830	830	830

	Vữa	m ³	0,250	0,250	0,250	0,250
	Vật liệu khác	%	5	5	5	5
	<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	2,23	2,43	2,67	2,79
	<i>Máy thi công</i>					
	Máy trộn vữa 150l	ca	0,033	0,033	0,033	0,033
	Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
	Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
	Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
			10	20	30	40

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày ≤ 30 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.322	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	810	810	810	810
		Vữa	m ³	0,300	0,300	0,300	0,300
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,83	1,97	2,16	2,26
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,036	0,036	0,036	0,036
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
				10	20	30	40

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày > 30 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.323	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	782	782	782	782
		Vữa	m ³	0,310	0,310	0,310	0,310
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,64	1,80	1,98	2,07
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,037	0,037	0,037	0,037
		Vận thẳng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
				10	20	30	40

AE.33000 XÂY CỘT, TRỤ

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.331	Xây cột, trụ	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	782	782	782	782
		Vữa	m ³	0,310	0,310	0,310	0,310

	Vật liệu khác	%	5	5	5	5
	<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	3,60	4,00	4,40	4,60
	<i>Máy thi công</i>					
	Máy trộn vữa 150l	ca	0,037	0,037	0,037	0,037
	Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
	Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
	Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
			10	20	30	40

AE.34000 XÂY HỒ VAN, HỒ GA, RÃNH THOÁT NƯỚC

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Xây hồ van, hồ ga	Xây gói đỡ ống, rãnh thoát nước
AE.34	Xây hồ van, hồ ga, rãnh thoát nước	<i>Vật liệu</i>			
		Gạch	viên	810	810
		Vữa	m ³	0,350	0,370
		Vật liệu khác	%	5,5	5,5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	3,42	4,60
		<i>Máy thi công</i>			
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,040	0,043
				110	210

AE.35000 XÂY CÁC BỘ PHẬN KẾT CẤU KHÁC

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.351	Xây các bộ phận kết cấu phức tạp khác	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	820	820	820	820
		Vữa	m ³	0,30	0,30	0,30	0,30
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	3,96	4,40	4,84	5,06
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,036	0,036	0,036	0,036
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
				10	20	30	40

AE.40000 XÂY GẠCH ĐẤT SÉT NUNG 4,5 x 9 x 19

AE.41000 XÂY MÓNG

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (cm)	
				≤ 30	> 30
AE.41	Xây móng	<i>Vật liệu</i>			
		Gạch thẻ	viên	937	920
		Vữa	m ³	0,313	0,328
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,67	1,47
		<i>Máy thi công</i>			
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,037	0,039
				110	210

AE.42000 XÂY TƯỜNG THẰNG

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày ≤ 10 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.421	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	989	989	989	989
		Vữa	m ³	0,256	0,256	0,256	0,256
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	2,46	2,72	2,99	3,12
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,033	0,033	0,033	0,033
		Vận thẳng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
				10	20	30	40

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày ≤ 30 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.422	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	937	937	937	937
		Vữa	m ³	0,313	0,313	0,313	0,313
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5

		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,97	2,18	2,39	2,49
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,037	0,037	0,037	0,037
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
				10	20	30	40

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày > 30 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.423	Xây tường thăng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	921	921	921	921
		Vữa	m ³	0,328	0,328	0,328	0,328
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,92	2,10	2,30	2,41
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,039	0,039	0,039	0,039
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
				10	20	30	40

AE.43000 XÂY CỘT, TRỤ

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.431	Xây cột, trụ	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	921	921	921	921
		Vữa	m ³	0,328	0,328	0,328	0,328
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	4,00	4,44	4,88	5,10
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,039	0,039	0,039	0,039
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
				10	20	30	40

AE.44000 XÂY CÁC BỘ PHẬN KẾT CẤU PHỨC TẠP KHÁC

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.441	Xây các bộ phận kết cấu phức tạp khác	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	937	937	937	937
		Vữa	m ³	0,328	0,328	0,328	0,328
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	4,20	4,66	5,11	5,35
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,039	0,039	0,039	0,039

		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
				10	20	30	40

AE.50000 XÂY GẠCH ĐẤT SÉT NUNG (4 x 8 x 19)

AE.51000 XÂY MÓNG

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (cm)	
				≤ 30	> 30
AE.51	Xây móng	<i>Vật liệu</i>			
		Gạch thẻ	viên	1.164	1.134
		Vữa	m ³	0,342	0,356
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	2,27	2,00
		<i>Máy thi công</i>			
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,040	0,040
				110	210

AE.52000 XÂY TƯỜNG THĂNG

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày ≤ 10 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.521	Xây tường thăng	<i>Vật liệu</i> Gạch	viên	1.315	1.315	1.315	1.315

	Vữa	m ³	0,200	0,200	0,200	0,200
	Vật liệu khác	%	5	5	5	5
	<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	2,70	3,00	3,30	3,45
	<i>Máy thi công</i>					
	Máy trộn vữa 150l	ca	0,028	0,028	0,028	0,028
	Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
	Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
	Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
			10	20	30	40

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày ≤ 30 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.522	Xây tường thăng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	1.110	1.110	1.110	1.110
		Vữa	m ³	0,325	0,325	0,325	0,325
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	2,40	2,60	2,86	2,99
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,039	0,039	0,039	0,039
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
				10	20	30	40

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày > 30 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.523	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	1.084	1.084	1.084	1.084
		Vữa	m ³	0,347	0,347	0,347	0,347
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	2,30	2,50	2,75	2,87
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,040	0,040	0,040	0,040
		Vận thẳng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
				10	20	30	40

AE.53000 XÂY CỘT, TRỤ

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.531	Xây cột, trụ	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	1.048	1.048	1.048	1.048
		Vữa	m ³	0,328	0,328	0,328	0,328
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	4,50	5,00	5,50	5,75

		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,039	0,039	0,039	0,039
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
				10	20	30	40

AE.54000 XÂY CÁC BỘ PHẬN KẾT CẤU KHÁC

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.541	Xây các bộ phận kết cấu phức tạp khác	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	1.087	1.087	1.087	1.087
		Vữa	m ³	0,328	0,328	0,328	0,328
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	4,54	5,04	5,55	5,80
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,039	0,039	0,039	0,039
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
				10	20	30	40

AE.60000 XÂY GẠCH ÔNG

AE.61000 XÂY TƯỜNG GẠCH ÔNG (10 x 10 x 20)

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày ≤ 10 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.611	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	460	460	460	460
		Vữa	m ³	0,150	0,150	0,150	0,150
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,53	1,69	1,85	1,94
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,021	0,021	0,021	0,021
		Vận thẳng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
				10	20	30	40

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày ≤ 30 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.612	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	450	450	450	450
		Vữa	m ³	0,165	0,165	0,165	0,165

	Vật liệu khác	%	5	5	5	5
	<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,38	1,42	1,56	1,63
	<i>Máy thi công</i>					
	Máy trộn vữa 150l	ca	0,023	0,023	0,023	0,023
	Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
	Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
	Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
			10	20	30	40

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày > 30 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.613	Xây tường thăng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	440	440	440	440
		Vữa	m ³	0,174	0,174	0,174	0,174
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,13	1,25	1,37	1,43
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,025	0,025	0,025	0,025
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
				10	20	30	40

AE.62000 XÂY GẠCH ỐNG (10 x 10 x 20) CẦU GẠCH THỂ (5 x 10 x 20)

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.621	Xây tường	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch ống	viên	350	350	350	350
		Gạch thẻ	viên	175	175	175	175
		Vữa	m ³	0,240	0,240	0,240	0,240
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,50	1,71	1,88	1,96
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,033	0,033	0,033	0,033
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
				10	20	30	40

AE.63000 XÂY TƯỜNG GẠCH ỐNG (8 x 8 x 19)

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày ≤ 10 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.631	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	682	682	682	682
		Vữa	m ³	0,17	0,17	0,17	0,17

	Vật liệu khác	%	5	5	5	5
	<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,95	2,15	2,36	2,47
	<i>Máy thi công</i>					
	Máy trộn vữa 150l	ca	0,024	0,024	0,024	0,024
	Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
	Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
	Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
			10	20	30	40

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày ≤ 30 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.632	Xây tường thăng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	649	649	649	649
		Vữa	m ³	0,21	0,21	0,21	0,21
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,70	1,85	2,03	2,12
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,030	0,030	0,030	0,030
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
				10	20	30	40

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày > 30 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.633	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	608	608	608	608
		Vữa	m ³	0,26	0,26	0,26	0,26
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,47	1,62	1,78	1,86
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,033	0,033	0,033	0,033
		Vận thẳng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
				10	20	30	40

AE.64000 XÂY GẠCH ỐNG (8 x 8 x 19) CẦU GẠCH THỂ (4 x 8 x 19)

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.641	Xây tường	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch ống	viên	542	542	542	542
		Gạch thể	viên	233	233	233	233
		Vữa	m ³	0,230	0,230	0,230	0,230
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5

		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,85	2,15	2,36	2,47
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,032	0,032	0,032	0,032
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
				10	20	30	40

AE.65000 XÂY TƯỜNG GẠCH ỐNG 9 x 9 x 19

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày ≤ 10 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.651	Xây tường thăng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	550	550	550	550
		Vữa	m ³	0,160	0,160	0,160	0,160
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,75	1,93	2,12	2,21
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,023	0,023	0,023	0,023
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
				10	20	30	40

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày ≤ 30 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.652	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	520	520	520	520
		Vữa	m ³	0,190	0,190	0,190	0,190
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,55	1,65	1,81	1,89
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,027	0,027	0,027	0,027
		Vận thẳng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
				10	20	30	40

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày > 30 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.653	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	510	510	510	510
		Vữa	m ³	0,220	0,220	0,220	0,220
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,31	1,44	1,58	1,65

		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,029	0,029	0,029	0,029
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
				10	20	30	40

AE.71000 XÂY GẠCH RỒNG 6 LỖ (10 x 15 x 22)

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày ≤ 10 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.711	Xây tường thăng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	275	275	275	275
		Vữa	m ³	0,170	0,170	0,170	0,170
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,33	1,40	1,54	1,61
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,024	0,024	0,024	0,024
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
				10	20	30	40

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày >10 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.712	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	264	264	264	264
		Vữa	m ³	0,181	0,181	0,181	0,181
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,13	1,16	1,28	1,34
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,025	0,025	0,025	0,025
		Vận thẳng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
				10	20	30	40

AE.72000 XÂY GẠCH RỒNG 6 LỖ (10 x 13,5 x 22)

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày ≤ 10 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.721	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	298	298	298	298
		Vữa	m ³	0,160	0,160	0,160	0,160
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5

		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,36	1,44	1,57	1,65
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,023	0,023	0,023	0,023
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
				10	20	30	40

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày >10 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.722	Xây tường thăng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	290	290	290	290
		Vữa	m ³	0,170	0,170	0,170	0,170
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,17	1,21	1,33	1,39
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,024	0,024	0,024	0,024
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
				10	20	30	40

AE.73000 XÂY GẠCH RỒNG 6 LỖ (8,5 x 13 x 20)

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày ≤ 10 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.731	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	394	394	394	394
		Vữa	m ³	0,170	0,170	0,170	0,170
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,43	1,47	1,62	1,69
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,024	0,024	0,024	0,024
		Vận thẳng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
				10	20	30	40

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày > 10 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.732	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	380	380	380	380
		Vữa	m ³	0,180	0,180	0,180	0,180
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5

		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,38	1,42	1,56	1,64
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,025	0,025	0,025	0,025
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
				10	20	30	40

AE.81000 XÂY GẠCH BÊ TÔNG

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, lắp và tháo dỡ giàn giáo xây, trộn vữa, xây theo yêu cầu kỹ thuật.
Vận chuyển vật liệu trong phạm vi 30m.

AE.81100 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH (20 x 20 x 40)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 20 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.811	Xây tường thăng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	57	57	57	57
		Vữa	m ³	0,108	0,108	0,108	0,108
		Vật liệu khác	%	4	4	4	4
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,44	1,50	1,64	1,71
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,015	0,015	0,015	0,015
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				10	20	30	40

AE.81200 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH (15 x 20 x 40)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 15 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.812	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	77	77	77	77
		Vữa	m ³	0,109	0,109	0,109	0,109
		Vật liệu khác	%	4	4	4	4
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,55	1,59	1,75	1,83
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,015	0,015	0,015	0,015
		Vận thẳng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				10	20	30	40

AE.81300 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH (10 x 20 x 40)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 10 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.813	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	115	115	115	115
		Vữa	m ³	0,108	0,108	0,108	0,108
		Vật liệu khác	%	4	4	4	4

		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,72	1,77	1,95	2,03
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,015	0,015	0,015	0,015
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				10	20	30	40

AE.81400 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH (19 x 19 x 39)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 19 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.814	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	65	65	65	65
		Vữa	m ³	0,113	0,113	0,113	0,113
		Vật liệu khác	%	4	4	4	4
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,51	1,55	1,71	1,79
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,016	0,016	0,016	0,016
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				10	20	30	40

AE.81500 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH (15 x 19 x 39)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 15 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.815	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	82	82	82	82
		Vữa	m ³	0,113	0,113	0,113	0,113
		Vật liệu khác	%	4	4	4	4
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,59	1,64	1,80	1,88
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,016	0,016	0,016	0,016
		Vận thẳng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				10	20	30	40

AE.81600 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH (10 x 19 x 39)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 10 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.816	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	123	123	123	123
		Vữa	m ³	0,113	0,113	0,113	0,113
		Vật liệu khác	%	4	4	4	4

		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,75	1,81	1,98	2,07
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,016	0,016	0,016	0,016
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				10	20	30	40

AE.81700 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH (11,5 x 19 x 24)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 11,5 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.817	Xây tường thăng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	171	171	171	171
		Vữa	m ³	0,132	0,132	0,132	0,132
		Vật liệu khác	%	4	4	4	4
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,90	1,96	2,15	2,25
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,019	0,019	0,019	0,019
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				10	20	30	40

AE.81800 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH (11,5 x 9 x 24)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 11,5 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.818	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	333	333	333	333
		Vữa	m ³	0,214	0,214	0,214	0,214
		Vật liệu khác	%	4	4	4	4
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	2,07	2,13	2,33	2,44
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,029	0,029	0,029	0,029
		Vận thẳng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				10	20	30	40

AE.81900 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH (15 x 20 x 30)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 15 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.819	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	101	101	101	101
		Vữa	m ³	0,118	0,118	0,118	0,118
		Vật liệu khác	%	4	4	4	4

		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,70	1,75	1,93	2,01
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,016	0,016	0,016	0,016
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				10	20	30	40

AE.82110 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH (12 x 19 x 39)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 12 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8211	Xây tường thăng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	103	103	103	103
		Vữa	m ³	0,113	0,113	0,113	0,113
		Vật liệu khác	%	4	4	4	4
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,71	1,77	1,94	2,02
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,016	0,016	0,016	0,016
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

AE.82120 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH (20 x 15 x 39)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 20 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8212	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	77	77	77	77
		Vữa	m ³	0,128	0,128	0,128	0,128
		Vật liệu khác	%	4	4	4	4
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,55	1,59	1,75	1,83
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,018	0,018	0,018	0,018
		Vận thẳng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

AE.82130 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH (17 x 15 x 39)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 17 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8213	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	90	90	90	90
		Vữa	m ³	0,133	0,133	0,133	0,133
		Vật liệu khác	%	4	4	4	4

		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,67	1,72	1,88	1,97
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,019	0,019	0,019	0,019
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

AE.82140 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH (15 x 15 x 39)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 15 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8214	Xây tường thăng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	102	102	102	102
		Vữa	m ³	0,133	0,133	0,133	0,133
		Vật liệu khác	%	4	4	4	4
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,70	1,75	1,93	2,01
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,019	0,019	0,019	0,019
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

AE.82150 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH (13 x 15 x 39)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 13 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8215	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	118	118	118	118
		Vữa	m ³	0,132	0,132	0,132	0,132
		Vật liệu khác	%	4	4	4	4
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,73	1,79	1,96	2,04
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,019	0,019	0,019	0,019
		Vận thẳng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

AE.82160 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH (10 x 15 x 39)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 10 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8216	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	153	153	153	153
		Vữa	m ³	0,134	0,134	0,134	0,134
		Vật liệu khác	%	4	4	4	4

		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,84	1,89	2,08	2,17
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,019	0,019	0,019	0,019
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

AE.82170 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH (9 x 15 x 39)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 9 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8217	Xây tường thăng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	170	170	170	170
		Vữa	m ³	0,132	0,132	0,132	0,132
		Vật liệu khác	%	4	4	4	4
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,89	1,95	2,14	2,24
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,019	0,019	0,019	0,019
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

AE.82180 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH (20 x 13 x 39)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 20 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8218	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	77	77	77	77
		Vữa	m ³	0,109	0,109	0,109	0,109
		Vật liệu khác	%	4	4	4	4
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,55	1,60	1,76	1,83
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,015	0,015	0,015	0,015
		Vận thẳng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

AE.82190 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH (17 x 13 x 39)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 17 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8219	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	103	103	103	103
		Vữa	m ³	0,144	0,144	0,144	0,144
		Vật liệu khác	%	4	4	4	4

		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,71	1,77	1,94	2,02
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,020	0,020	0,020	0,020
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

AE.82200 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH (15 x 13 x 39)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 15 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8220	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	116	116	116	116
		Vữa	m ³	0,147	0,147	0,147	0,147
		Vật liệu khác	%	4	4	4	4
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,72	1,78	1,95	2,03
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,021	0,021	0,021	0,021
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

AE.82210 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH (14 x 13 x 39)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 14 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8221	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	125	125	125	125
		Vữa	m ³	0,144	0,144	0,144	0,144
		Vật liệu khác	%	4	4	4	4
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,78	1,83	2,01	2,10
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,021	0,021	0,021	0,021
		Vận thẳng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

AE.82220 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH (12 x 13 x 39)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 12 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8222	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	145	145	145	145
		Vữa	m ³	0,146	0,146	0,146	0,146
		Vật liệu khác	%	4	4	4	4

		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,82	1,87	2,05	2,15
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,021	0,021	0,021	0,021
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

AE.82230 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH (10 x 13 x 39)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 10 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8223	Xây tường thăng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	174	174	174	174
		Vữa	m ³	0,147	0,147	0,147	0,147
		Vật liệu khác	%	4	4	4	4
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,93	1,98	2,17	2,27
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,021	0,021	0,021	0,021
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

AE.82240 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH (8 x 13 x 39)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 8 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8224	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	218	218	218	218
		Vữa	m ³	0,146	0,146	0,146	0,146
		Vật liệu khác	%	4	4	4	4
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,97	2,03	2,23	2,32
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,021	0,021	0,021	0,021
		Vận thẳng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

AE.82250 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH (10,5 x 13 x 22)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 10,5 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8225	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	288	288	288	288
		Vữa	m ³	0,167	0,167	0,167	0,167
		Vật liệu khác	%	4	4	4	4

		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,99	2,05	2,25	2,34
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,023	0,023	0,023	0,023
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

AE.82260 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH (10,5 x 6 x 22)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 10,5 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8226	Xây tường thăng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	546	546	546	546
		Vữa	m ³	0,267	0,267	0,267	0,267
		Vật liệu khác	%	4	4	4	4
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	2,25	2,31	2,54	2,65
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,034	0,034	0,034	0,034
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

AE.82270 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH (10 x 6 x 21)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 10 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8227	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	600	600	600	600
		Vữa	m ³	0,270	0,270	0,270	0,270
		Vật liệu khác	%	4	4	4	4
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	2,38	2,45	2,69	2,80
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,034	0,034	0,034	0,034
		Vận thẳng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

AE.82280 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH (9,5 x 6 x 20)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 9,5 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8228	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	658	658	658	658
		Vữa	m ³	0,274	0,274	0,274	0,274
		Vật liệu khác	%	4	4	4	4
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	2,47	2,55	2,79	2,92
		<i>Máy thi công</i>					

	Máy trộn vữa 150l	ca	0,035	0,035	0,035	0,035
	Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
	Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
	Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
	Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
			1	2	3	4

AE.83000 XÂY TƯỜNG THÔNG GIÓ

Đơn vị tính: 1m²

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Gạch thông gió	
				20 x 20 cm	30 x 30 cm
AE.83	Xây tường thông gió	<i>Vật liệu</i>			
		Gạch thông gió	viên	25,5	11,5
		Vữa	m ³	0,006	0,0057
		Vật liệu khác	%	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,59	0,65
				110	210

AE.84000 XÂY TƯỜNG GẠCH SILICÁT (6,5 x 12 x 25)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (cm)			
				≤ 33		> 33	
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 6	≤ 28
AE.84	Xây tường gạch silicat	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	424	424	416	416
		Vữa	m ³	0,267	0,267	0,271	0,271
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5

		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	2,12	2,27	1,81	1,99
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,034	0,034	0,034	0,034
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	-	0,012
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	-	0,012
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				110	120	210	220

AE.85000 ÷ AE.87000 XÂY GẠCH BÊ TÔNG KHÍ CHỪNG ÁP (AAC) BẰNG VỮA XÂY BÊ TÔNG NHẸ

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ, lắp và tháo dỡ dàn giáo xây, trộn vữa xây bê tông nhẹ, cưa, cắt gạch, xây theo đúng yêu cầu kỹ thuật. Vận chuyển vật liệu trong phạm vi 30m. (Vật liệu làm dàn giáo đã tính trong định mức).

- Định mức chưa bao gồm công tác sản xuất lắp dựng râu thép, thép giằng gia cố.

AE.85100 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (7,5 x 10 x 60)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 7,5 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.851	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	212	212	212	212
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,060	0,060	0,060	0,060
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5

		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,43	1,56	1,72	1,80
		<i>Máy thi công</i>					
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				10	20	30	40

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 10 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.851	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	209	209	209	209
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,077	0,077	0,077	0,077
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,40	1,53	1,68	1,75
		<i>Máy thi công</i>					
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				50	60	70	80

AE.85200 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (10 x 10 x 60)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 10 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.852	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	159	159	159	159
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,060	0,060	0,060	0,060
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,34	1,46	1,61	1,67
		<i>Máy thi công</i>					
		Vận thẳng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				10	20	30	40

AE.85300 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (12,5 x 10 x 60)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 12,5 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.853	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	127	127	127	127
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,060	0,060	0,060	0,060
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5

		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,37	1,48	1,62	1,69
		<i>Máy thi công</i>					
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				10	20	30	40

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 10 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.853	Xây tường thăng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	129	129	129	129
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,050	0,050	0,050	0,050
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,28	1,40	1,54	1,61
		<i>Máy thi công</i>					
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				50	60	70	80

AE.85400 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (15 x 10 x 60)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 15 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.854	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	106	106	106	106
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,060	0,060	0,060	0,060
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,18	1,27	1,39	1,44
		<i>Máy thi công</i>					
		Vận thẳng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				10	20	30	40

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 10 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.854	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	108	108	108	108
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,043	0,043	0,043	0,043
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5

		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,20	1,31	1,43	1,50
		<i>Máy thi công</i>					
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				50	60	70	80

AE.85500 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (17,5 x 10 x 60)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 17,5 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.855	Xây tường thăng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	91	91	91	91
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,060	0,060	0,060	0,060
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,13	1,22	1,34	1,39
		<i>Máy thi công</i>					
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				10	20	30	40

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 10 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.855	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	93	93	93	93
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,038	0,038	0,038	0,038
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,16	1,26	1,39	1,44
		<i>Máy thi công</i>					
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				50	60	70	80

AE.85700 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (25 x 10 x 60)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 25 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.857	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	64	64	64	64
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,060	0,060	0,060	0,060
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,03	1,11	1,21	1,26
		<i>Máy thi công</i>					
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-

		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				10	20	30	40

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 10 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.857	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	66	66	66	66
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,03	0,03	0,03	0,03
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,05	1,14	1,26	1,32
		<i>Máy thi công</i>					
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				50	60	70	80

AE.86100 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (7,5 x 20 x 60)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 7,5 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.861	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i> Gạch	viên	109	109	109	109

	Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,035	0,035	0,035	0,035
	Vật liệu khác	%	5	5	5	5
	<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,20	1,31	1,43	1,50
	<i>Máy thi công</i>					
	Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
	Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
	Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
	Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
			10	20	30	40

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 20 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.861	Xây tường thăng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	104	104	104	104
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,077	0,077	0,077	0,077
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,17	1,26	1,38	1,43
		<i>Máy thi công</i>					
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				50	60	70	80

AE.86200 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (10 x 20 x 60)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 10 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.862	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	82	82	82	82
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,035	0,035	0,035	0,035
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,12	1,22	1,35	1,40
		<i>Máy thi công</i>					
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				10	20	30	40

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 20 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.862	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	80	80	80	80
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,060	0,060	0,060	0,060
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,10	1,19	1,31	1,36
		<i>Máy thi công</i>					
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				50	60	70	80

AE.86300 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (12,5 x 20 x 60)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 12,5 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.863	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	65	65	65	65
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,035	0,035	0,035	0,035
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,04	1,12	1,22	1,27
		<i>Máy thi công</i>					
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				10	20	30	40

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 20 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.863	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	64	64	64	64
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,050	0,050	0,050	0,050
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,03	1,11	1,21	1,26
		<i>Máy thi công</i>					
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				50	60	70	80

AE.86400 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (15 x 20 x 60)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 15 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.864	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	54	54	54	54
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,034	0,034	0,034	0,034
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,00	1,07	1,18	1,22
		<i>Máy thi công</i>					
		Vận thẳng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				10	20	30	40

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 20 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.864	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	54	54	54	54
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,043	0,043	0,043	0,043
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,00	1,07	1,18	1,22
		<i>Máy thi công</i>					
		Vận thẳng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				50	60	70	80

AE.86500 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (17,5 x 20 x 60)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 17,5 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.865	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	47	47	47	47
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,035	0,035	0,035	0,035
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,96	1,04	1,13	1,19
		<i>Máy thi công</i>					
		Vận thẳng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				10	20	30	40

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 20 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.865	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	46	46	46	46
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,038	0,038	0,038	0,038
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,96	1,04	1,13	1,19
		<i>Máy thi công</i>					
		Vận thẳng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				50	60	70	80

AE.86600 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (20 x 20 x 60)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 20 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.866	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	41	41	41	41
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,035	0,035	0,035	0,035
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,93	1,01	1,10	1,14
		<i>Máy thi công</i>					
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				10	20	30	40

AE.86700 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (25 x 20 x 60)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 25 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.867	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	33	33	33	33
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,035	0,035	0,035	0,035
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,88	0,95	1,04	1,08
		<i>Máy thi công</i>					
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				10	20	30	40

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 20 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.867	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	33	33	33	33
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,030	0,030	0,030	0,030
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,96	1,04	1,13	1,19
		<i>Máy thi công</i>					
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				50	60	70	80

AE.87100 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (7,5 x 30 x 60)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 7,5 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.871	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	73	73	73	73
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,026	0,026	0,026	0,026
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,08	1,18	1,29	1,35
		<i>Máy thi công</i>					
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				10	20	30	40

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 30 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.871	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	70	70	70	70
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,077	0,077	0,077	0,077
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,07	1,16	1,26	1,32
		<i>Máy thi công</i>					
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				50	60	70	80

AE.87200 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (10 x 30 x 60)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 10 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.872	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	55	55	55	55
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,026	0,026	0,026	0,026
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,01	1,09	1,21	1,26
		<i>Máy thi công</i>					
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				10	20	30	40

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 30 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.872	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	53	53	53	53
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,060	0,060	0,060	0,060
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,98	1,06	1,17	1,21
		<i>Máy thi công</i>					
		Vận thẳng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				50	60	70	80

AE.87300 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (12,5 x 30 x 60)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 12,5 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.873	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	44	44	44	44
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,027	0,027	0,027	0,027
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,95	1,03	1,12	1,17
		<i>Máy thi công</i>					
		Vận thẳng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				10	20	30	40

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 30 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.873	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	43	43	43	43
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,050	0,050	0,050	0,050
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,94	1,02	1,11	1,16
		<i>Máy thi công</i>					
		Vận thẳng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				50	60	70	80

AE.87400 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (15 x 30 x 60)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 15 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.874	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	36	36	36	36
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,030	0,030	0,030	0,030
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,89	0,96	1,05	1,09
		<i>Máy thi công</i>					
		Vận thẳng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				10	20	30	40

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 30 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.874	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	36	36	36	36
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,043	0,043	0,043	0,043
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,89	0,96	1,05	1,09
		<i>Máy thi công</i>					
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				50	60	70	80

AE.87500 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (17,5 x 30 x 60)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 17,5 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.875	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	31	31	31	31
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,026	0,026	0,026	0,026
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,86	0,92	1,01	1,05
		<i>Máy thi công</i>					
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				10	20	30	40

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 30 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.875	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	31	31	31	31
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,038	0,038	0,038	0,038
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,86	0,92	1,01	1,05
		<i>Máy thi công</i>					
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				50	60	70	80

AE.87600 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (20 x 30 x 60)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 20 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.876	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	27	27	27	27
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,026	0,026	0,026	0,026
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,82	0,89	0,97	1,02
		<i>Máy thi công</i>					
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-

		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				10	20	30	40

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 30 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.876	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	27	27	27	27
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,035	0,035	0,035	0,035
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,82	0,89	0,97	1,02
		<i>Máy thi công</i>					
		Vận thẳng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				50	60	70	80

AE.87700 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (25 x 30 x 60)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 25 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.877	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	22	22	22	22
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,026	0,026	0,026	0,026
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5

		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,72	0,77	0,85	0,88
		<i>Máy thi công</i>					
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				10	20	30	40

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 30 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.877	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	22	22	22	22
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,030	0,030	0,030	0,030
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,72	0,77	0,85	0,88
		<i>Máy thi công</i>					
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				50	60	70	80

AE.88100 XÂY GẠCH BÊ TÔNG KHÍ CHỪNG ÁP (AAC) BẰNG VỮA THÔNG THƯỜNG

Thành phần công việc:

Chuẩn bị dụng cụ, lắp và tháo dỡ dàn giáo xây, trộn vữa thông thường bằng máy trộn, cưa, cắt gạch, xây theo đúng yêu cầu kỹ thuật. Vận chuyển vật liệu trong phạm vi 30m. (Vật liệu làm dàn giáo đã tính trong định mức).

Định mức chưa bao gồm công tác sản xuất lắp dựng râu thép, thép giằng gia cố.

AE.88110 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (7,5 x 10 x 60)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 7,5 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8811	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	193	193	193	193
		Vữa	m ³	0,169	0,169	0,169	0,169
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,44	1,57	1,73	1,81
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,023	0,023	0,023	0,023
		Vận thẳng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 10 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8811	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	184	184	184	184
		Vữa	m ³	0,216	0,216	0,216	0,216
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,41	1,54	1,69	1,77
		<i>Máy thi công</i>					

	Máy trộn vữa 150l	ca	0,029	0,029	0,029	0,029
	Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
	Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
	Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
	Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
			5	6	7	8

AE.88120 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (10 x 10 x 60)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 10 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8812	Xây tường thăng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	145	145	145	145
		Vữa	m ³	0,168	0,168	0,168	0,168
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,36	1,48	1,63	1,70
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,023	0,023	0,023	0,023
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

AE.88130 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (12,5 x 10 x 60)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 12,5 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8813	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	116	116	116	116
		Vữa	m ³	0,169	0,169	0,169	0,169
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,29	1,40	1,53	1,59
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,023	0,023	0,023	0,023
		Vận thẳng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 10 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8813	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	119	119	119	119
		Vữa	m ³	0,141	0,141	0,141	0,141
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,31	1,42	1,56	1,64
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,020	0,020	0,020	0,020
		Vận thẳng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031

	Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
	Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
	Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
			5	6	7	8

AE.88140 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (15 x 10 x 60)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 15 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8814	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	97	97	97	97
		Vữa	m ³	0,169	0,169	0,169	0,169
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,23	1,33	1,46	1,51
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,023	0,023	0,023	0,023
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 10 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8814	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i> Gạch	viên	101	101	101	101

	Vữa	m ³	0,120	0,120	0,120	0,120
	Vật liệu khác	%	6	6	6	6
	<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,25	1,37	1,50	1,56
	<i>Máy thi công</i>					
	Máy trộn vữa 150l	ca	0,018	0,018	0,018	0,018
	Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
	Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
	Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
	Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
			5	6	7	8

AE.88150 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (17,5 x 10 x 60)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 17,5 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8815	Xây tường thăng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	83	83	83	83
		Vữa	m ³	0,169	0,169	0,169	0,169
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,18	1,27	1,39	1,44
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,023	0,023	0,023	0,023
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 10 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8815	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	88	88	88	88
		Vữa	m ³	0,108	0,108	0,108	0,108
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,20	1,31	1,43	1,50
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,015	0,015	0,015	0,015
		Vận thẳng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				5	6	7	8

AE.88170 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (25 x 10 x 60)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 25 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8817	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	58	58	58	58
		Vữa	m ³	0,169	0,169	0,169	0,169
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,04	1,12	1,22	1,27
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,023	0,023	0,023	0,023
		Vận thẳng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-

		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 10 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8817	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	63	63	63	63
		Vữa	m ³	0,083	0,083	0,083	0,083
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,11	1,21	1,34	1,39
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,014	0,014	0,014	0,014
		Vận thẳng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				5	6	7	8

AE.88210 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (7,5 x 20 x 60)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 7,5 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8821	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i> Gạch	viên	103	103	103	103

	Vữa	m ³	0,098	0,098	0,098	0,098
	Vật liệu khác	%	6	6	6	6
	<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,25	1,37	1,50	1,56
	<i>Máy thi công</i>					
	Máy trộn vữa 150l	ca	0,014	0,014	0,014	0,014
	Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
	Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
	Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
	Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
			1	2	3	4

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 20 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8821	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	92	92	92	92
		Vữa	m ³	0,216	0,216	0,216	0,216
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,21	1,31	1,42	1,49
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,029	0,029	0,029	0,029
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				5	6	7	8

AE.88220 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (10 x 20 x 60)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 10 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8822	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	78	78	78	78
		Vữa	m ³	0,098	0,098	0,098	0,098
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,16	1,26	1,39	1,44
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,014	0,014	0,014	0,014
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 20 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8822	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	73	73	73	73
		Vữa	m ³	0,168	0,168	0,168	0,168
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,13	1,22	1,34	1,39
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,023	0,023	0,023	0,023
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				5	6	7	8

AE.88230 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (12,5 x 20 x 60)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 12,5 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8823	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	62	62	62	62
		Vữa	m ³	0,098	0,098	0,098	0,098
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,06	1,14	1,25	1,31
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,014	0,014	0,014	0,014
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 20 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8823	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	60	60	60	60
		Vữa	m ³	0,141	0,141	0,141	0,141
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,05	1,13	1,24	1,29
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,020	0,020	0,020	0,020
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				5	6	7	8

AE.88240 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (15 x 20 x 60)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 15 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8824	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	52	52	52	52
		Vữa	m ³	0,098	0,098	0,098	0,098
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,02	1,10	1,20	1,25
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,014	0,014	0,014	0,014
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 20 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8824	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	51	51	51	51
		Vữa	m ³	0,122	0,122	0,122	0,122
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,01	1,09	1,19	1,24
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,017	0,017	0,017	0,017
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				5	6	7	8

AE.88250 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (17,5 x 20 x 60)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 17,5 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8825	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	44	44	44	44
		Vữa	m ³	0,098	0,098	0,098	0,098
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,97	1,05	1,14	1,20
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,014	0,014	0,014	0,014
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 20 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8825	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	44	44	44	44
		Vữa	m ³	0,108	0,108	0,108	0,108
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,97	1,05	1,14	1,20
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,015	0,015	0,015	0,015
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				5	6	7	8

(Xem tiếp Công báo số 119 + 120)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: <http://congbao.chinhphu.vn>
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng